

Số: 552/2017/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 643/2017/TLST/HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Tổ C, phường Q, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Phạm A, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Tổ S, phường Q, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và L phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Phạm A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Phạm A thuận tình ly hôn.

Quan hệ con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Bùi Tiến V, sinh ngày: 04/01/2015. Sau khi ly hôn các đương sự tự thỏa thuận chị L là người nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi

khác. Anh A được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thỏa thuận anh A thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mức 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ tháng cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005562 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường Quang Trung;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Thư

